

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024  
(đã được soát xét)



## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-32
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	09-32

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Pin Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Pin Hà Nội là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Pin Hà Nội theo Quyết định số 207/2003/QĐ - BCN ngày 03/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 26 tháng 07 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Nghĩa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Cao Sơn	Thành viên
Ông Võ Khánh Toàn	Thành viên
Bà Quek Guet Ngoh	Thành viên
Ông Lam Hin Lap Michael	Thành viên
Ông Lam Wai Man Edward	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thanh Hùng	Giám đốc
Ông Nguyễn Cao Sơn	Phó Giám đốc
Ông Võ Khánh Toàn	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hải	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Đức	Thành viên
Ông Huỳnh Tín Đình	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Nguyễn Thanh Hùng  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2024

Số:100824.005/BCTC.KT2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Pin Hà Nội

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội được lập ngày 05 tháng 08 năm 2024, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		148.505.138.669	143.834.428.886
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	7.536.553.896	9.481.460.384
111	1. Tiền		7.536.553.896	9.481.460.384
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	42.000.000.000	31.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		42.000.000.000	31.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		13.217.960.580	15.048.532.178
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	9.942.322.971	12.489.252.893
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	866.581.404	118.270.310
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.745.561.761	2.777.514.531
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(336.505.556)	(336.505.556)
140	IV. Hàng tồn kho	9	84.949.000.137	86.573.406.421
141	1. Hàng tồn kho		85.189.047.865	86.813.454.149
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(240.047.728)	(240.047.728)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		801.624.056	1.731.029.903
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	355.479.251	390.970.933
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		47.775.804	862.408.522
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	398.369.001	477.650.448
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		29.635.756.412	29.544.188.986
220	I. Tài sản cố định		8.525.367.811	10.592.565.327
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	8.331.254.515	10.387.766.895
222	- Nguyên giá		75.448.942.443	75.448.942.443
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(67.117.687.928)	(65.061.175.548)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	194.113.296	204.798.432
228	- Nguyên giá		310.946.712	310.946.712
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(116.833.416)	(106.148.280)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		352.875.577	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	352.875.577	-
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	4	19.356.014.246	17.400.014.246
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		27.000.014.246	27.000.014.246
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(7.644.000.000)	(9.600.000.000)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		1.401.498.778	1.551.609.413
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.401.498.778	1.551.609.413
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>178.140.895.080</b>	<b>173.378.617.872</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>34.775.522.852</b>	<b>26.661.681.684</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>34.775.522.852</b>	<b>26.661.681.684</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	14.448.931.186	8.445.439.900
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		329.332.331	389.879.498
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	8.562.629.684	5.991.874.341
314	4. Phải trả người lao động		6.415.172.549	6.439.376.705
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	3.169.892.573	3.132.416.693
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	752.050.779	1.843.137.797
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.097.513.750	419.556.750
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>143.365.372.228</b>	<b>146.716.936.188</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	18	<b>143.365.372.228</b>	<b>146.716.936.188</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		72.539.110.000	72.539.110.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		72.539.110.000	72.539.110.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.016.053.718	1.016.053.718
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		50.402.893.785	36.632.812.659
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		19.407.314.725	36.528.959.811
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		7.251.056.685	7.251.056.685
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		12.156.258.040	29.277.903.126
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>178.140.895.080</b>	<b>173.378.617.872</b>



Nguyễn Thị Thùy Dương  
Kế toán trưởng - Người lập

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2024



Nguyễn Thanh Hùng  
Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	223.492.837.602	207.239.775.326
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	4.345.838.167	3.260.827.040
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		219.146.999.435	203.978.948.286
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	22	158.303.997.728	161.606.835.251
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		60.843.001.707	42.372.113.035
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	1.512.708.854	1.519.579.022
22	7. Chi phí tài chính	24	3.182.138.252	4.570.526.514
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	25	6.494.978.872	5.434.718.858
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	10.838.613.951	9.215.011.410
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		41.839.979.486	24.671.435.275
31	11. Thu nhập khác	27	662.053.605	331.671.504
32	12. Chi phí khác		433.878	2.299.831
40	13. Lợi nhuận khác		661.619.727	329.371.673
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		42.501.599.213	25.000.806.948
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	8.583.608.173	5.027.315.806
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>33.917.991.040</u>	<u>19.973.491.142</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	4.676	2.753

Nguyễn Thị Thùy Dương  
Kế toán trưởng - Người lập

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2024



Nguyễn Thanh Hùng  
Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		221.234.385.973	205.716.968.027
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(142.263.764.873)		(166.469.919.299)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(21.062.794.481)		(20.963.170.650)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(6.403.435.969)		(5.472.252.672)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11.922.850.704		18.611.117.379
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(19.247.130.454)		(17.626.996.852)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<b>44.180.110.900</b>	<b>13.795.745.933</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(68.000.000.000)		(28.066.849.315)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	57.000.000.000		13.093.589.041
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.128.439.745		380.548.177
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<b>(9.871.560.255)</b>	<b>(14.592.712.097)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	2.732.600.000
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(36.262.201.800)		(7.255.232.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<b>(36.262.201.800)</b>	<b>(4.522.632.000)</b>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>		<b>(1.953.651.155)</b>	<b>(5.319.598.164)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		9.481.460.384	14.976.997.877
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		8.744.667	91.330.024
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<b>7.536.553.896</b>	<b>9.748.729.737</b>

*Nguyễn Thị Thùy Dương*

Nguyễn Thị Thùy Dương  
Kế toán trưởng - Người lập



Nguyễn Thanh Hùng  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2024

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Pin Hà Nội là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Pin Hà Nội theo Quyết định số 207/2003/QĐ - BCN ngày 03/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 26 tháng 07 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 72.539.110.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 72.539.110.000 VND; tương đương 7.253.911 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là: 270 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 284 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh thương mại.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất pin và ắc quy;
- Bán buôn pin các loại, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất pin;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chỉ gồm có: cho thuê nhà xưởng, nhà làm việc, kho bãi;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp nguyên vật liệu, sản phẩm pin các loại và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong 6 tháng đầu năm 2024, thị trường ngành pin ổn định dẫn đến sản lượng hàng hóa sản xuất và tiêu thụ của Công ty tăng. Trong kỳ, giá nguyên liệu chính đầu vào giảm làm cho giá vốn của Công ty giảm so với cùng kỳ năm trước. Giá vốn giảm và doanh thu tăng dẫn đến lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh của Công ty kỳ này tăng 43,90% so với 6 tháng đầu năm 2023.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có đơn vị trực thuộc là chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh với hoạt động chính là kinh doanh pin các loại.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ hoặc chưa được loại trừ toàn bộ.

## 2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

## 2.5 . Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

**2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

**2.7 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**2.8 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ: khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo nên việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.9 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**2.10 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.11 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

**2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

**2.13 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.14 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian thời gian từ 03 tháng đến 24 tháng.

- Chi phí sửa chữa lớn Tài sản cố định được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 tháng đến 36 tháng.

**2.15 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**2.16 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.17 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.18 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.19 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

**2.20 . Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**2.22 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.23 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chiết khấu thanh toán;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

**2.25 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện  
Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

### 2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.27 . Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về pin, hoạt động dịch vụ chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

## 3 . TIỀN

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Tiền mặt	90.140.065	69.724.788
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.446.413.831	9.411.735.596
	<u><u>7.536.553.896</u></u>	<u><u>9.481.460.384</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn	42.000.000.000	-	31.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	42.000.000.000	-	31.000.000.000	-
	<b>42.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>31.000.000.000</b>	<b>-</b>

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào đơn vị khác	27.000.014.246	-	(7.644.000.000)	27.000.014.246
- Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) (*)	27.000.000.000	-	(7.644.000.000)	27.000.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (EIB)	14.246	-	-	14.246
	<b>27.000.014.246</b>	<b>-</b>	<b>(7.644.000.000)</b>	<b>27.000.014.246</b>
				<b>(9.600.000.000)</b>
				<b>(9.600.000.000)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(\*) Theo Hợp đồng liên doanh giữa Công ty Cổ phần Pin Hà Nội và GP Batteries International Ltd, Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) được thành lập và hoạt động tại tỉnh Hà Nam, Việt Nam với vốn điều lệ là 4.000.000 USD, trong đó Công ty Cổ phần Pin Hà Nội đóng góp 1.200.000 USD tương đương 30% vốn điều lệ. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) là sản xuất, kinh doanh pin và máy móc thiết bị sản xuất pin. Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) trong kỳ thực hiện tăng vốn thêm 65.704.317.880 VND, Công ty Cổ phần Pin Hà Nội không tham gia góp vốn bổ sung. Tại thời điểm 30/06/2024, tỷ lệ lợi ích và biểu quyết tại Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) giảm còn 7,91% ( trước đó là 9,80%).

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>556.659.297</i>	-	<i>2.938.108.736</i>	-
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	453.089.481	-	315.837.190	-
GP Battery Marketing (HK) Limited	103.569.816	-	2.622.271.546	-
<i>Bên khác</i>	<i>9.385.663.674</i>	<i>(336.505.556)</i>	<i>9.551.144.157</i>	<i>(336.505.556)</i>
Công ty Cổ phần Phân phối bán lẻ Toàn Cầu	1	-	2.293.049.089	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Xuất nhập khẩu Hoàng Anh	1.103.569.640	-	-	-
Công ty Cổ phần Phân phối thực phẩm và hàng tiêu dùng Việt Nam	1.528.699.393	-	-	-
Các khách hàng khác	6.753.394.640	(336.505.556)	7.258.095.068	(336.505.556)
	<b>9.942.322.971</b>	<b>(336.505.556)</b>	<b>12.489.252.893</b>	<b>(336.505.556)</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Sản xuất Nguyên Hưng Phát	287.100.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ xử lý nước và môi trường ETM	396.252.000	-	-	-
Công ty Cổ phần kim loại màu Thái Nguyên VIMICO	3.528.504	-	27.883.438	-
Công ty TNHH INTERTEK Việt Nam	-	-	30.759.292	-
Trả trước cho người bán khác	179.700.900	-	59.627.581	-
	<b>866.581.404</b>	<b>-</b>	<b>118.270.310</b>	<b>-</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Chi tiết theo nội dung</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	839.712.328	-	836.375.340	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	201.319.389	-	196.894.999	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	18.747.553	-	20.613.568	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	15.155.587	-	15.466.497	-
Tạm ứng	208.717.856	-	221.980.411	-
Ký cược, ký quỹ	1.265.700.000	-	1.315.700.000	-
Phải thu khác	196.209.048	-	170.483.716	-
	<b>2.745.561.761</b>	<b>-</b>	<b>2.777.514.531</b>	<b>-</b>
<b>b) Chi tiết theo đối tượng</b>				
<b>Bên liên quan</b>				
GPI International Limited	6.258.568	-	6.258.568	-
GP Battery Marketing (Hong Kong)	27.000.000	-	71.964.956	-
	<b>33.258.568</b>	<b>-</b>	<b>78.223.524</b>	<b>-</b>
<b>Bên khác</b>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Thanh Trì Hà Nội	839.712.328	-	503.416.437	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức	-	-	332.958.903	-
Các đối tượng khác	1.872.590.865	-	1.862.915.667	-
	<b>2.712.303.193</b>	<b>-</b>	<b>2.699.291.007</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**8 . NỢ XẤU**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Thương mại Dịch vụ Hải Dương	51.540.380	-	51.540.380	-
- Mai Ngọc Hoà	29.360.789	-	29.360.789	-
- Các khoản khác	255.604.387	-	255.604.387	-
	<b>336.505.556</b>	<b>-</b>	<b>336.505.556</b>	<b>-</b>

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	56.983.941.065	(240.047.728)	67.122.661.016	(240.047.728)
Công cụ, dụng cụ	75.649.958	-	79.365.883	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.947.321.242	-	3.169.797.328	-
Thành phẩm	19.438.694.461	-	14.721.419.847	-
Hàng hoá	5.743.441.139	-	1.720.210.075	-
	<b>85.189.047.865</b>	<b>(240.047.728)</b>	<b>86.813.454.149</b>	<b>(240.047.728)</b>

**10 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	271.175.577	-
- Hệ thống bơm nước cứu hỏa phòng cháy chữa cháy	271.175.577	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	81.700.000	-
- Dây chuyền Pin đơn R03/600	81.700.000	-
	<b>352.875.577</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	11.895.731.167	56.617.645.497	6.480.452.415	455.113.364	75.448.942.443
Số dư cuối kỳ	<u>11.895.731.167</u>	<u>56.617.645.497</u>	<u>6.480.452.415</u>	<u>455.113.364</u>	<u>75.448.942.443</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	11.895.731.167	47.112.550.095	5.646.987.899	405.906.387	65.061.175.548
- Khấu hao trong kỳ	-	1.902.129.907	135.251.490	19.130.983	2.056.512.380
Số dư cuối kỳ	<u>11.895.731.167</u>	<u>49.014.680.002</u>	<u>5.782.239.389</u>	<u>425.037.370</u>	<u>67.117.687.928</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	-	9.505.095.402	833.464.516	49.206.977	10.387.766.895
Tại ngày cuối kỳ	-	<u>7.602.965.495</u>	<u>698.213.026</u>	<u>30.075.994</u>	<u>8.331.254.515</u>
Trong đó:					
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 48.274.415.715 VND.					

**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Công ty tại thời điểm ngày 01/01/2024 và 30/06/2024 là phần mềm máy tính có nguyên giá là 310.946.712 VND, khấu hao lũy kế lần lượt là 106.148.280 VND và 116.833.416 VND, chi phí khấu hao trong kỳ là 10.685.136 VND.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 97.244.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện  
Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	97.367.121	75.713.767
Chi phí mua bảo hiểm	58.217.982	21.419.104
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	164.692.229
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	199.894.148	129.145.833
	<b>355.479.251</b>	<b>390.970.933</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	245.565.943	347.330.067
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	1.076.220.891	1.095.419.093
Chi phí trả trước dài hạn khác	79.711.944	108.860.253
	<b>1.401.498.778</b>	<b>1.551.609.413</b>

**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>2.726.040.910</b>	<b>2.726.040.910</b>	<b>535.759.267</b>	<b>535.759.267</b>
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	1.604.962.519	1.604.962.519	535.759.267	535.759.267
GPI International (Shenzhen) Limited	1.121.078.391	1.121.078.391	-	-
<b>Bên khác</b>	<b>11.722.890.276</b>	<b>11.722.890.276</b>	<b>7.909.680.633</b>	<b>7.909.680.633</b>
Công ty TNHH xuất nhập khẩu thương mại Văn Nguyên Bằng Tường Trung Quốc	2.384.043.543	2.384.043.543	-	-
V-RESOURCE LIMITED	6.685.574.400	6.685.574.400	3.319.920.000	3.319.920.000
GUANGXI GUILIU NEW MATERIAL	-	-	3.287.908.800	3.287.908.800
Đối tượng khác	2.653.272.333	2.653.272.333	1.301.851.833	1.301.851.833
	<b>14.448.931.186</b>	<b>14.448.931.186</b>	<b>8.445.439.900</b>	<b>8.445.439.900</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		-		8.528.880.083		8.521.595.333		-			7.284.750
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	477.650.448		-		159.182.423		79.900.976		398.369.001			-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		5.396.747.169		8.590.296.973		6.403.435.969		-			7.583.608.173
Thuế Thu nhập cá nhân	-		591.654.645		1.152.668.306		775.100.906		-			969.222.045
Thuế Tài nguyên	-		-		2.721.250		2.721.250		-			-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		2.209.694.120		2.209.694.120		-			-
Các loại thuế khác	-		-		4.000.000		4.000.000		-			-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		3.472.527		6.209.150		7.166.961		-			2.514.716
	<b>477.650.448</b>		<b>5.991.874.341</b>		<b>20.653.652.305</b>		<b>18.003.615.515</b>		<b>398.369.001</b>		<b>8.562.629.684</b>	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại	1.562.125.495	1.574.994.873
- Chi phí phải trả khác	1.607.767.078	1.557.421.820
	<b>3.169.892.573</b>	<b>3.132.416.693</b>

**17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	81.955.164	85.316.284
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	405.723.416	1.522.395.014
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	56.866.700	49.513.500
- Phải trả phụ cấp Hội đồng quản trị không tham gia điều hành	102.000.000	111.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	105.505.499	74.912.999
	<b>752.050.779</b>	<b>1.843.137.797</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>72.539.110.000</b>	<b>1.016.053.718</b>	<b>1.016.053.718</b>	<b>26.548.272.308</b>	<b>25.302.362.351</b>	<b>125.405.798.377</b>			
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	19.973.491.142	19.973.491.142			
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	10.084.540.351	(10.794.540.351)	(710.000.000)			
Chi trả cổ tức lần 3 năm 2022	-	-	-	-	(7.253.911.000)	(7.253.911.000)			
Giảm khác	-	-	-	-	(2.854.317)	(2.854.317)			
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>72.539.110.000</b>	<b>1.016.053.718</b>	<b>1.016.053.718</b>	<b>36.632.812.659</b>	<b>27.224.547.825</b>	<b>137.412.524.202</b>			
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>72.539.110.000</b>	<b>1.016.053.718</b>	<b>1.016.053.718</b>	<b>36.632.812.659</b>	<b>36.528.959.811</b>	<b>146.716.936.188</b>			
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	33.917.991.040	33.917.991.040			
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	13.770.081.126	(14.770.081.126)	(1.000.000.000)			
Chi trả cổ tức năm 2023(*)	-	-	-	-	(14.507.822.000)	(14.507.822.000)			
Tạm ứng cổ tức năm 2024(**)	-	-	-	-	(21.761.733.000)	(21.761.733.000)			
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>72.539.110.000</b>	<b>1.016.053.718</b>	<b>1.016.053.718</b>	<b>50.402.893.785</b>	<b>19.407.314.725</b>	<b>143.365.372.228</b>			

24/01/2024  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
PIN HÀ NỘI  
A  
TIN K

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(\*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 01/2024/NQ-ĐHCĐ ngày 29/04/2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận trong năm như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00	58.290.692.811
Trích Quỹ đầu tư phát triển	23,62	13.770.081.126
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,72	1.000.000.000
Chi trả cổ tức năm 2023 (bằng 50% vốn điều lệ)	62,22	36.269.555.000
<i>Đã tạm ứng lần 1, trong tháng 11/2023: 30%</i>		21.761.733.000
<i>Chi trả cổ tức năm 2023 lần 2: 20%</i>		14.507.822.000
Lợi nhuận chưa phân phối	12,44	7.251.056.685

(\*\*) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 02/2024/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 04 năm 2024, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2024 đợt 1 bằng tiền mặt, tỷ lệ tạm ứng cổ tức 30%/cổ phần (1 cổ phần nhận được 3.000 VND) tổng số tiền tạm ứng là 21.761.733.000 VND.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ	Đầu kỳ VND
GP Batteries International Limited	49,00%	35.542.330.000	49,00%	35.542.330.000
Phạm Văn Nghĩa	5,02%	3.643.500.000	5,02%	3.643.500.000
Các cổ đông khác	45,98%	33.353.280.000	45,98%	33.353.280.000
	<b>100%</b>	<b>72.539.110.000</b>	<b>100%</b>	<b>72.539.110.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	06 tháng đầu năm 2024 VND	06 tháng đầu năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	72.539.110.000	72.539.110.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	72.539.110.000	72.539.110.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	72.539.110.000	72.539.110.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	49.513.500	83.513.500
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	36.269.555.000	7.253.911.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	14.507.822.000	7.253.911.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này</i>	21.761.733.000	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(36.262.201.800)	(7.255.232.000)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	(14.557.335.500)	(7.255.232.000)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này</i>	(21.704.866.300)	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	56.866.700	82.192.500

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.253.911	7.253.911
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	7.253.911	7.253.911
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.253.911	7.253.911
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.253.911	7.253.911
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.253.911	7.253.911
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

e)	Các quỹ công ty		<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
			VND	VND
	Quỹ đầu tư phát triển		50.402.893.785	36.632.812.659
			<u>50.402.893.785</u>	<u>36.632.812.659</u>
<b>19</b>	<b>. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG</b>			
a)	<b>Tài sản cho thuê ngoài</b>			
	<b>STT Bên cho thuê</b>	<b>Vị trí</b>	<b>Diện tích</b>	<b>Thời gian thuê</b>
	1 UBND Thành phố Hà Nội	Số 7 ngõ 111 Phan Trọng Tuệ	4.490,4 m <sup>2</sup>	50 năm
	2 UBND Thành phố Hà Nội	Số 72 Phan Trọng Tuệ	34.665 m <sup>2</sup>	Gia hạn từng năm
	Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.			
b)	<b>Ngoại tệ các loại</b>			
			<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	- Đồng đô la Mỹ (USD)		87.703,35	8.480,35
c)	<b>Nợ khó đòi đã xử lý</b>			
			<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
			VND	VND
			372.373.344	372.373.344
<b>20</b>	<b>. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>			
			<u>06 tháng đầu năm</u>	<u>06 tháng đầu năm</u>
			2024	2023
			VND	VND
	Doanh thu bán thành phẩm		204.080.285.534	184.542.934.626
	Doanh thu bán hàng hóa		5.235.823.485	2.731.785.864
	Doanh thu bán vật tư, phế liệu		12.456.930.709	18.265.721.259
	Doanh thu cung cấp dịch vụ		1.719.797.874	1.699.333.577
			<u>223.492.837.602</u>	<u>207.239.775.326</u>
	Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)		<u>18.446.885.485</u>	<u>40.048.909.254</u>
<b>21</b>	<b>. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>			
			<u>06 tháng đầu năm</u>	<u>06 tháng đầu năm</u>
			2024	2023
			VND	VND
	Chiết khấu thương mại		4.316.428.905	3.204.055.747
	Hàng bán bị trả lại		29.409.262	56.771.293
			<u>4.345.838.167</u>	<u>3.260.827.040</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	142.461.891.997	141.339.346.480
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.456.622.534	2.240.367.293
Giá vốn của vật tư, phế liệu đã bán	12.316.536.017	17.970.810.158
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	68.947.180	56.311.320
	<b><u>158.303.997.728</u></b>	<b><u>161.606.835.251</u></b>

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

Tổng giá trị mua vào:

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)***15.296.612.466****5.513.581.901****23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.131.776.733	1.009.748.178
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	380.932.121	410.384.462
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	99.446.382
	<b><u>1.512.708.854</u></b>	<b><u>1.519.579.022</u></b>

**24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	4.372.678.532	3.001.363.161
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	598.892.380	569.163.353
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	166.567.340	-
Dự phòng/ hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(1.956.000.000)	1.000.000.000
	<b><u>3.182.138.252</u></b>	<b><u>4.570.526.514</u></b>

**25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	892.585.898	764.261.942
Chi phí nhân công	2.835.580.407	2.588.205.675
Chi phí khấu hao tài sản cố định	62.142.858	73.463.872
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.623.957.198	1.278.353.110
Chi phí khác bằng tiền	1.080.712.511	730.434.259
	<b><u>6.494.978.872</u></b>	<b><u>5.434.718.858</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	110.364.193	93.248.283
Chi phí nhân công	5.780.625.136	4.697.815.417
Chi phí khấu hao tài sản cố định	89.075.503	87.119.136
Thuế, phí, lệ phí	2.215.814.490	2.115.037.215
Chi phí dịch vụ mua ngoài	878.219.984	655.146.416
Chi phí khác bằng tiền	1.764.514.645	1.566.644.943
	<b>10.838.613.951</b>	<b>9.215.011.410</b>

**27 . THU NHẬP KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ tiền bồi thường	659.519.080	307.636.838
Thu nhập khác	2.534.525	24.034.666
	<b>662.053.605</b>	<b>331.671.504</b>
Trong đó: Thu nhập khác đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	<b>659.519.080</b>	<b>307.636.838</b>

**28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	42.501.599.213	25.000.806.948
Các khoản điều chỉnh tăng	425.347.457	247.654.071
- Chi phí không hợp lệ	425.347.457	247.654.071
Các khoản điều chỉnh giảm	(8.905.804)	(111.881.987)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(8.905.804)	(111.881.987)
Thu nhập chịu thuế TNDN	42.918.040.866	25.136.579.032
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>8.583.608.173</b>	<b>5.027.315.806</b>
Thuế TNDN kỳ trước hạch toán bổ sung	6.688.800	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	5.396.747.169	3.272.252.672
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(6.403.435.969)	(5.472.252.672)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>7.583.608.173</b>	<b>2.827.315.806</b>

**29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	33.917.991.040	19.973.491.142
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	33.917.991.040	19.973.491.142
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	7.253.911	7.253.911
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4.676</b>	<b>2.753</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	137.433.141.443	151.409.580.076
Chi phí nhân công	26.832.265.548	23.305.155.608
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.067.197.516	2.070.542.310
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.099.250.379	3.673.411.223
Chi phí khác bằng tiền	7.243.911.659	6.892.788.627
	<b>176.675.766.545</b>	<b>187.351.477.844</b>

**31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.446.413.831	-	-	7.446.413.831
Phải thu khách hàng, phải thu khác	12.351.379.176	-	-	12.351.379.176
Các khoản cho vay	42.000.000.000	-	-	42.000.000.000
	<u>61.797.793.007</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>61.797.793.007</u>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.411.735.596	-	-	9.411.735.596
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.930.261.868	-	-	14.930.261.868
Các khoản cho vay	31.000.000.000	-	-	31.000.000.000
	<u>55.341.997.464</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>55.341.997.464</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	15.200.981.965	-	-	15.200.981.965
Chi phí phải trả	3.169.892.573	-	-	3.169.892.573
	<u>18.370.874.538</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>18.370.874.538</u>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	10.288.577.697	-	-	10.288.577.697
Chi phí phải trả	3.132.416.693	-	-	3.132.416.693
	<u>13.420.994.390</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>13.420.994.390</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
GP Batteries International Limited Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể Bà Quek Guet Ngoh, ông Nguyễn Thanh Hùng - Ủy viên Hội đồng quản trị, Giám đốc của Công ty và ông Võ Khánh Toàn - Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc của Công ty đồng thời là các Ủy viên Hội đồng thành viên của Công ty này
GP Battery Marketing (Singapore) Pte.Ltd	Công ty cùng Tập đoàn
GPI International Limited	Công ty cùng Tập đoàn
GPI International (Shenzhen) Limited	Công ty cùng Tập đoàn
GP Battery Marketing (Hong Kong) Limited	Công ty cùng Tập đoàn
GP Acoustics (China) Limited	Công ty cùng Tập đoàn
Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và người quản lý khác của Công ty	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	06 tháng đầu năm 2024 VND	06 tháng đầu năm 2023 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>18.446.885.485</b>	<b>40.048.909.254</b>
GPI International Limited	-	17.522.797.248
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	11.569.267.892	16.663.792.360
GP Battery Marketing (Hong Kong) Limited	6.877.617.593	5.862.319.646
<b>Mua hàng</b>	<b>15.296.612.466</b>	<b>5.513.581.901</b>
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	7.525.887.006	4.078.430.000
GPI International (Shenzhen) Limited	7.770.725.460	1.435.151.901
<b>Thu nhập khác</b>	<b>659.519.080</b>	<b>307.636.838</b>
GP Battery Marketing (Hong Kong) Limited	659.519.080	307.636.838



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2024	2023
	VND	VND
<b>Thu nhập của người quản lý chủ chốt</b>		
Ông Phạm Văn Nghĩa - Chủ tịch Hội đồng quản trị	112.111.112	84.444.443
Ông Nguyễn Thanh Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc	327.071.246	302.724.995
Ông Nguyễn Cao Sơn - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc	263.844.656	239.278.126
Ông Võ Khánh Toàn - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc	272.676.997	243.844.779
Bà Quek Guet Nghoh - Thành viên Hội đồng quản trị	49.750.000	11.500.000
Ông Lam Hin Lap Michael - Thành viên Hội đồng quản trị	48.500.000	42.375.000
Ông Lam Wai Man Edward - Thành viên Hội đồng quản trị	40.000.000	-
<b>Thù lao và chi phí hoạt động khác của Ban kiểm soát</b>		
Bà Nguyễn Thanh Hải - Trưởng Ban kiểm soát	79.555.555	47.888.889
Ông Nguyễn Thanh Đức - Thành viên Ban kiểm soát	180.121.786	166.919.751
Ông Huỳnh Tín Đình - Thành viên Ban kiểm soát	27.833.333	66.833.334

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

**34 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.



Nguyễn Thị Thùy Dương  
Kế toán trưởng - Người lập

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2024



Nguyễn Thanh Hùng  
Giám đốc